

Doanh nghiệp: HOA SEN GROUP

Mã chứng khoán: HSG

Địa chỉ: 9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD

Mã số thuế: 3 7 0 0 3 8 1 3 2 4

Tel: 0650.3790957

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NIÊN ĐỘ 2013**

**Từ 01- 10 - 2012 đến 31 - 12 -2012**

**(Báo cáo riêng)**

- |                                 |                   |
|---------------------------------|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán          | : Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh  | : Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ            | : Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý I niên độ 2013

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

Đơn: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31-12-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2012)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,691,334,224,681</b>	<b>2,687,785,701,677</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	121,270,523,333	62,322,761,267
1	Tiền	111		121,270,523,333	62,322,761,267
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>-</b>	<b>3,975,059,008</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	3,975,059,008
2	DP giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,633,942,417,235</b>	<b>1,060,986,322,198</b>
1	Phải thu khách hàng	131		1,057,527,584,741	851,514,345,464
2	Trả trước cho người bán	132		558,698,330,476	132,204,331,550
3	Phải thu nội bộ	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	V.3	24,663,537,881	84,214,681,047
6	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(6,947,035,863)	(6,947,035,863)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>678,574,423,573</b>	<b>1,346,471,979,331</b>
1	Hàng tồn kho	141		680,360,024,845	1,348,257,580,603
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,785,601,272)	(1,785,601,272)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>257,546,860,540</b>	<b>214,029,579,873</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17,297,964,297	24,941,573,704
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		192,587,992,607	181,182,026,226
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	2,466,182	836,185,561
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		47,658,437,454	7,069,794,382
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,590,631,960,185</b>	<b>2,618,397,191,638</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6		
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.7		
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,037,022,682,357</b>	<b>2,049,080,566,012</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1,694,837,736,457	1,734,733,389,181
	- Nguyên giá	222		2,280,182,761,969	2,268,486,591,891
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(585,345,025,512)	(533,753,202,710)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	76,261,128,920	78,249,367,215
	- Nguyên giá	225		84,032,961,457	84,032,961,457
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(7,771,832,537)	(5,783,594,242)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	208,034,561,223	210,778,072,533
	- Nguyên giá	228		218,821,342,613	220,918,698,551
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10,786,781,390)	(10,140,626,018)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	57,889,255,757	25,319,737,083

Các thuyết minh là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý I niên độ 2013

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

Đơn: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31-12-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2012)
III	<b>Bất động sản đầu tư</b>	240			
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.13	505,732,331,634	505,732,331,634
1	Đầu tư vào công ty con	251		446,276,000,000	446,276,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		44,456,331,634	44,456,331,634
3	Đầu tư dài hạn khác	258		15,000,000,000	15,000,000,000
4	DP giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	260		47,876,946,194	63,584,293,992
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	40,582,793,119	56,290,140,917
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5,281,603,174	5,281,603,174
3	Tài sản dài hạn khác	268		2,012,549,901	2,012,549,901
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>5,281,966,184,866</b>	<b>5,306,182,893,315</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý I niên độ 2013

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

						<i>Đơn: VND</i>	
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31-12-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2012)		
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3,232,045,823,247</b>	<b>3,255,130,650,996</b>		
1	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,484,721,183,257</b>	<b>2,649,950,276,006</b>		
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	2,059,600,741,824	2,031,073,752,460		
2	Phải trả người bán	312		237,017,254,339	470,105,482,411		
3	Người mua trả tiền trước	313		59,864,982,910	9,153,814,784		
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	57,382,370,898	71,348,792,426		
5	Phải trả người lao động	315		14,734,482,873	20,893,335,354		
6	Chi phí phải trả	316	V.17	29,678,889,035	23,697,643,116		
7	Phải trả nội bộ	317		-	-		
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-		
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	25,184,042,179	18,452,204,256		
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320					
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,258,419,199	5,225,251,199		
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>747,324,639,990</b>	<b>605,180,374,990</b>		
1	Phải trả dài hạn người bán	331					
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19				
3	Phải trả dài hạn khác	333					
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	743,396,647,490	601,196,647,490		
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335					
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3,927,992,500	3,983,727,500		
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337					
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,049,920,361,619</b>	<b>2,051,052,242,319</b>		
	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>2,049,920,361,619</b>	<b>2,051,052,242,319</b>		
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,007,907,900,000	1,007,907,900,000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		451,543,290,363	451,543,290,363		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413					
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(56,718,274,255)	(56,716,723,982)		
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-		
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-		
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-		
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		8,525,313,060	8,525,313,060		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,316,803,461	2,148,326,909		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		637,345,328,990	637,644,135,969		
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5,281,966,184,866</b>	<b>5,306,182,893,315</b>		

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý I niên độ 2013

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

Đvt: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI**

STT	CHỈ TIÊU	TM	Số cuối kỳ (31-12-2012)	Số đầu kỳ (01-10-2012)
1	Tài sản thuê ngoài			
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4	Nợ khó đòi đã xử lý			
5	Ngoại tệ các loại			
	- Đồng đô la Mỹ	V.1	1,574,957.24	134,081.53
	- Đồng Euro	V.1	222.00	221.58
	- Đồng đô la Úc	V.1	85.00	84.78
6	Dự toán chi hoạt động			

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Công Tiến

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN NGỌC CHU

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý I niên độ 2013

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/10/12-31/12/12	Kỳ trước 01/10/11-31/12/11
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.25	4,734,710,126,232	3,307,832,467,185
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.26	2.598.538,003	6.903.900,039
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.27	4,732,111,588,229	3,300,928,567,146
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.28	4,439,699,299,898	2,986,317,790,328
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		292,412,288,331	314,610,776,818
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	3,788,468,926	13,929,699,090
7.	Chi phí tài chính	22	V.30	53,411,483,827	125,476,464,419
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48,686,214,888	95,758,797,563
8.	Chi phí bán hàng	24	V.33.1	91,932,099,363	79,547,227,203
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.33.2	49,676,665,929	46,954,478,272
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101,180,508,138	76,562,306,014
11.	Thu nhập khác	31		79,814,415,684	7,645,816,371
12.	Chi phí khác	32	V.33.3	63,227,967,759	2,326,576,462
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		16,586,447,925	5,319,239,909
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		117,766,956,063	81,881,545,923
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	14,729,185,042	6,002,900,425
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.32	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		103,037,771,021	75,878,645,498
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan

TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN NGỌC CHU

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I niên độ 2013

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

Mẫu số B 03 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

Chỉ tiêu	MS	TM	Kỳ này ( 01/10/2012- 31/12/2012	Kỳ trước (01/10/2011- 31/12/2011)
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		117,766,956,063	81,881,545,923
2 Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		54,298,067,873	51,756,239,620
Các khoản dự phòng	03			
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	04		(51,933,302)	(7,272,727)
Thu nhập tiền lãi & cổ tức	05		(611,993,997)	(2,451,674,592)
Chi phí lãi vay	06		48,686,214,888	95,755,293,120
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		220,087,311,525	226,934,131,344
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(612,498,316,696)	(318,053,683,125)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		667,897,555,758	(43,660,146,663)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(198,762,293,517)	(115,004,901,741)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		16,042,031,604	3,162,867,617
Tiền lãi vay đã trả	13		(52,579,143,849)	(105,534,109,139)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9,574,461,277)	(3,437,861,035)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,641,355,448)	(932,631,528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25,971,328,100	(356,526,334,270)
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(45,380,498,813)	(8,098,351,024)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2,851,000,000	7,272,727
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24			
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		618,558,088	2,451,674,592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41,910,940,725)	(5,639,403,705)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32		(1,550,273)	
3 Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33		2,231,247,451,049	1,782,668,698,154
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,057,603,100,105)	(1,461,610,408,285)
5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(2,917,361,580)	(18,044,949,072)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(95,838,064,400)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74,887,374,691	303,013,340,797
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		58,947,762,066	(59,152,397,178)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		62,322,761,267	126,343,395,167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		121,270,523,333	67,190,997,989

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan

TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN NGỌC CHU

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 21 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã có 113 chi nhánh, 1 văn phòng đại diện và đầu tư vào 3 công ty con

1. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Nam
2. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Trảng Bàng
3. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đắk Lắk
4. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Kontum
5. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cam Ranh
6. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Chơn Thành
7. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Diên Khánh
8. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bồng Sơn
9. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Thạnh
10. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đà Nẵng
11. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phan Rang
12. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tuy Phước
13. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cần Thơ
14. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại An Khê
15. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Nội
16. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Gia Nghĩa
17. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Long Khánh
18. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phú Tân
19. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại An Biên
20. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Pleiku
21. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Buôn Hồ
22. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Nghệ An
23. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tuy An
24. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Trà Vinh
25. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phụng Hiệp
26. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại thị xã Vĩnh Long
27. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tuy Hòa
28. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phan Ri
29. Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vĩnh Thuận



**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 30 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Long Xuyên
- 31 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cái Bè
- 32 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bà Rịa - Vũng Tàu
- 33 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cà Mau
- 34 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vũng Liêm
- 35 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hồng Ngự
- 36 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Châu Thành
- 37 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vị Thanh
- 38 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cao Lãnh
- 39 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Sóc Trăng
- 40 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đức Trọng
- 41 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Rạch Giá - Kiên Giang
- 42 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Ngãi
- 43 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Đức Linh - Bình Thuận
- 44 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thủ Thừa - Long An
- 45 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Châu Đốc
- 46 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bình Minh - Vĩnh Long
- 47 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bến Tre
- 48 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bình Chánh
- 49 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thủ Dầu Một
- 50 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Năm Căn
- 51 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bạc Liêu
- 52 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thống Nhất
- 53 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quận 9
- 54 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phù Cát
- 55 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phù Mỹ
- 56 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Thành
- 57 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Kiên Lương
- 58 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Tĩnh
- 59 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Huế
- 60 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Chợ Mới
- 61 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Định Quán - Đồng Nai
- 62 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thốt Nốt
- 63 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tri Tôn - An Giang
- 64 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Sơn La
- 65 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Phú - Đồng Nai
- 66 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tam Nông - Đồng Tháp

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 67 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Gò Dầu - Tây Ninh
- 68 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Châu Thành - Bến Tre
- 69 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bến Cát - Bình Dương
- 70 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Krông Pak - Đắk Lắk
- 71 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hàm Tân
- 72 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Xuyên Mộc
- 73 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thanh Hóa
- 74 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vĩnh Thạnh
- 75 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Earka
- 76 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Dakmil
- 77 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phan Thiết
- 78 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Ninh Bình
- 79 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cái Răng
- 80 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hòa Bình
- 81 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phước Long - Bình Phước
- 82 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phú Giáo
- 83 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Ninh
- 84 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Sơn Hòa - Phú Yên
- 85 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Yên Bái
- 86 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen - Nhà Máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
- 87 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
- 88 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Phú Thọ
- 89 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Nam
- 90 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Ngọc Hồi
- 91 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bim Sơn
- 92 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hưng Yên
- 93 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Nam Định
- 94 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Bình
- 95 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Quảng Trị
- 96 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Cư Jút
- 97 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hải Phòng
- 98 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thái Bình
- 99 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Chư Sê - Gia Lai
- 100 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Vĩnh Phúc
- 101 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bắc Kạn
- 102 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Diên Châu

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 103 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Hà Giang
- 104 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Mỹ Hòa - An Giang
- 105 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bến Lức - Long An
- 106 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thái Nguyên
- 107 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Trảng Bom - Đồng Nai
- 108 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tây Ninh
- 109 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bắc Giang
- 110 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Bình Đại - Bến Tre
- 111 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Thuận An - Bình Dương
- 112 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Dĩ An - Bình Dương
- 113 . Chi nhánh Công ty CP Hoa Sen tại Tân Châu - Tây Ninh

**CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN**

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, T. Bình Dương

**CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN**

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, T. Bình Dương

**CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, H. Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**Cơ cấu vốn điều lệ**

Vốn điều lệ	1.007.907.900.000 VND
Số lượng cổ phiếu	100.790.790 cổ phiếu

**2- Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và thương mại

**3- Ngành nghề kinh doanh**

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1- Niên độ kế toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt nam (VNĐ)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

**2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Quý I Niên độ 2013**

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
- Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời

- Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
- Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)

Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau :

• Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40 năm
• Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
• Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
• Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
• TSCĐ hữu hình khác	03 - 05 năm
• Quyền sử dụng đất	07 - 48 năm
• Phần mềm kế toán, quản lý	3 năm

**4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

**5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

**6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Niên độ 2013**

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

**7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Các khoản thu khác

**8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá đo đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

**9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại**

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

**10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 17% và 7% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2012	01/10/2012
<b>1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	31,880,088,289	23,231,700,912
- Tiền gửi ngân hàng	88,380,861,044	38,382,025,210
- Tiền đang chuyển	1,009,574,000	709,035,145
<b>Cộng</b>	<b>121,270,523,333</b>	<b>62,322,761,267</b>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/10/2012</b>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	3,975,059,008
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3,975,059,008</b>
<b>3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/10/2012</b>
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao		
động		
- Các khoản phải thu khác:	24,663,537,881	84,214,681,047
<b>Cộng</b>	<b>24,663,537,881</b>	<b>84,214,681,047</b>
<b>4- Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/10/2012</b>
- Hàng mua đang đi trên đường	27,788,905,662	340,678,259,856
- Nguyên liệu, vật liệu	59,244,399,116	147,022,796,976
- Công cụ, dụng cụ	68,070,146,831	128,830,080,317
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	470,604,427,893	654,483,300,362
- Hàng hóa	54,652,145,343	77,243,143,092
- Hàng gửi đi bán		
<b>Cộng giá</b>	<b>680,360,024,845</b>	<b>1,348,257,580,603</b>
- Dự phòng giảm giá	(1,785,601,272)	(1,785,601,272)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:		
* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:		
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
<b>5- Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/10/2012</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Các khoản khác phải thu nhà nước	2,466,182	836,185,561
<b>Cộng</b>	<b>2,466,182</b>	<b>836,185,561</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

6- Các khoản phải thu dài hạn nội bộ

- + Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc
- + Phải thu nội bộ khác

7- Phải thu dài hạn khác

- Ký quỹ ký cược dài hạn
- Các khoản tiền nhận ủy thác
- Phải thu dài hạn khác

31/12/2012

01/10/2012

**Cộng**

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa	MMTB	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu</b>						
Số dư đầu kỳ	507,797,152,593	1,695,395,571,625	48,669,506,417	3,134,728,690	13,489,632,566	2,268,486,591,891
* Mua trong kỳ	-	4,759,797,386	150,530,909	1,049,700,570	-	5,960,028,865
* Đầu tư XDCB hoàn thành	-	5,767,570,758	-	-	-	5,767,570,758
* Tăng khác						-
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	-	-	16,180,000	-	-	16,180,000
* Giảm khác	-	-	15,249,545	-	-	15,249,545
Số dư cuối kỳ	507,797,152,593	1,705,922,939,769	48,788,607,781	4,184,429,260	13,489,632,566	2,280,182,761,969
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	81,689,087,257	422,967,159,859	24,036,816,869	2,105,916,994	2,954,221,731	533,753,202,710
* Khấu hao trong kỳ	7,615,835,804	41,959,820,678	1,455,266,904	114,377,422	471,387,448	51,616,688,256
* Tăng khác						-
* Chuyển sang BĐS đầu tư						-
* Thanh lý, nhượng bán	-	-	16,180,000	-	-	16,180,000
* Giảm khác	-	-	8,685,454	-	-	8,685,454
Số dư cuối kỳ	89,304,923,061	464,926,980,537	25,467,218,319	2,220,294,416	3,425,609,179	585,345,025,512
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
* Tại ngày đầu kỳ	426,108,065,336	1,272,428,411,766	24,632,689,548	1,028,811,696	10,535,410,835	1,734,733,389,181
* Tại ngày cuối kỳ	418,492,229,532	1,240,995,959,232	23,321,389,462	1,964,134,844	10,064,023,387	1,694,837,736,457

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố các khoản vay.

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý.

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

\* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

**Mẫu số B 09 – DN**  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	MMTB	Phương tiện VT, truyền	Thiết bị dụng cụ	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê TC</b>		-			-
Số dư đầu kỳ	84,032,961,457				84,032,961,457
- Thuê tài chính trong kỳ					-
- Mua lại TSCĐ thuê tài					-
- Giảm khác		-			-
Số dư cuối kỳ	84,032,961,457	-	-	-	84,032,961,457
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					-
Số dư đầu kỳ	5,783,594,242				5,783,594,242
- Khấu hao trong kỳ	1,988,238,295				1,988,238,295
- Mua lại TSCĐ thuê tài					-
- Trả lại TSCĐ thuê tài					-
Số dư cuối kỳ	7,771,832,537				7,771,832,537
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					-
- Tại ngày đầu kỳ	78,249,367,215				78,249,367,215
- Tại ngày cuối kỳ	76,261,128,920				76,261,128,920

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;
- Điều khoản giá hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
Số dư đầu kỳ	219,528,224,817			1,390,473,734		220,918,698,551
* Mua trong kỳ	748,696,710			-		748,696,710
* Tạo ra từ nội bộ doanh						
* Tăng do hợp nhất kinh doanh						
* Thanh lý, nhượng bán	2,846,052,648			-		2,846,052,648
* Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	217,430,868,879	-	-	1,390,473,734	-	218,821,342,613
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	9,175,128,705			965,497,313	-	10,140,626,018
* Khấu hao trong kỳ	637,635,691			55,505,631	-	693,141,322
- Thanh lý, nhượng bán	46,985,950					46,985,950
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	9,765,778,446	-	-	1,021,002,944	-	10,786,781,390
<b>Giá trị còn lại của TSCĐVH</b>						
* Tại ngày đầu kỳ	210,353,096,112	-	-	424,976,421	-	210,778,072,533
* Tại ngày cuối kỳ	207,665,090,433	-	-	369,470,790	-	208,034,561,223

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác theo yêu cầu của Chuẩn mực kế toán số 04 "TSCĐ vô hình"

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2012	01/10/2012
11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
- Chi phí XDCCB dở dang	57,889,255,757	25,319,737,083
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Mua sắm MMTB tại các chi nhánh Hoa Sen Group	37,379,947,276	18,569,355,451
+ Xây dựng tại các chi nhánh Hoa Sen Group	19,326,923,156	5,994,935,583
+ Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1,182,385,325	755,446,049
<b>Cộng</b>	<b>57,889,255,757</b>	<b>25,319,737,083</b>
13- Đầu tư dài hạn khác:		
+ Đầu tư cổ phiếu		
+ Đầu tư trái phiếu		
+ Đầu tư vào công ty con	446,276,000,000	446,276,000,000
+ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	44,456,331,634	44,456,331,634
+ Đầu tư dài hạn khác	15,000,000,000	15,000,000,000
+ Dự phòng giảm giá đầu tư		
<b>Cộng</b>	<b>505,732,331,634</b>	<b>505,732,331,634</b>
14- Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Khác	40,582,793,119	56,290,140,917
<b>Cộng</b>	<b>40,582,793,119</b>	<b>56,290,140,917</b>
15- Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn	1,943,850,763,356	1,874,783,164,492
- Vay dài hạn đến hạn trả	106,997,893,728	144,621,141,648
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8,752,084,740	11,669,446,320
<b>Cộng</b>	<b>2,059,600,741,824</b>	<b>2,031,073,752,460</b>
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	23,163,104,310	46,827,168,659
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	18,334,228,038	14,496,567,330
- Thuế xuất, nhập khẩu	311,953,627	76,358,503
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,720,869,415	9,566,145,650
- Các loại thuế khác	852,215,508	382,552,284
<b>Cộng</b>	<b>57,382,370,898</b>	<b>71,348,792,426</b>
17- Chi phí phải trả		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
- Khác	29,678,889,035	23,697,643,116
<b>Cộng</b>	<b>29,678,889,035</b>	<b>23,697,643,116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

	31/12/2012	01/10/2012
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ xử lý		-
- Bảo hiểm y tế	1,796,400	6,196,500
- Bảo hiểm xã hội	974,108,600	746,917,669
- Kinh phí công đoàn	90,233,600	162,076,200
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24,117,903,579	17,537,013,887
<b>Cộng</b>	<b>25,184,042,179</b>	<b>18,452,204,256</b>
19- Phải trả dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn		-
<b>Cộng</b>		-
20- Các khoản vay và nợ dài	31/12/2012	01/10/2012
a- Vay dài hạn	651,712,557,301	509,512,557,301
- Vay ngân hàng	651,712,557,301	509,512,557,301
b- Nợ dài hạn	91,684,090,189	91,684,090,189
- Thuê tài chính	42,787,970,189	42,787,970,189
- Nợ dài hạn	48,896,120,000	48,896,120,000
<b>Cộng</b>	<b>743,396,647,490</b>	<b>601,196,647,490</b>

\* Các khoản nợ thuê tài chính

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	18,408,265,143	6,738,818,823	11,669,446,320	18,834,143,228	7,164,696,908	11,669,446,320
Từ 1-5 năm	50,054,614,539	10,184,005,930	39,870,608,609	54,494,608,924	11,706,638,735	42,787,970,189
Trên 5 năm	-			-	-	-

**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Năm độ 2013**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	1	2	3	4	5	6	8	9
	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối doái	Quỹ dự phòng tại chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A								
Số dư đầu năm trước (01/10/2011)	1.007.907.900,000	451.543.290,363	(28.588.182,845)			8.525.313,060		381.858.701,310
- Lợi nhuận tăng trong năm trước								362.106.869,356
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							6.412.839,096	6.412.839,096
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi								6.406.734,996
- Tăng khác							707.980,636	4.055.557,395
- Mua cổ phiếu ngân quỹ			(28.128.541,137)					
- Chia Cổ tức năm trước							4.972.402,823	97.557.418,000
- Sử dụng Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								
Số dư cuối năm trước	1.007.907.900,000	451.543.290,363	(56.716.723,982)	-	-	8.525.313,060	2.148.326,909	637.644.135,969
Số dư đầu kỳ này (01/10/2012)	(1.007.907.900,000)	451.543.290,363	(56.716.723,982)	-	-	8.525.313,060	2.148.326,909	637.644.135,969
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này								103.037.771,021
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								
- Chi khác								
- Chia cổ tức			(1.550,273)					6.405.000,000
- Phí lưu ký chứng khoán								96.931.578,000
- Sử dụng Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							831.523,448	
Số dư cuối kỳ này (31/12/2012)	1.007.907.900,000	451.543.290,363	(56.718.274,255)	-	-	8.525.313,060	1.316.803,461	637.345.328,990

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	1,007,907,900,000			1,007,907,900,000		
- Thặng dư vốn cổ phần						
<b>Cộng</b>						

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

**c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ  
tức, lợi nhuận**

**31/12/2012**

**01/10/2012**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

1,007,907,900,000

1,007,907,900,000

+ Vốn góp tăng trong năm

-

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

1,007,907,900,000

1,007,907,900,000

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

96,931,578,000

-

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ này (từ 01-10-2012 đến 31-12-2012)	Kỳ trước (từ 01-10-2011 đến 31-12-2011)
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	<b>4,734,710,126,232</b>	<b>3,307,832,467,185</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	4,734,710,126,232	3,307,832,467,185
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ		
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng		
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	<b>2,598,538,003</b>	<b>6,903,900,039</b>
+ Chiết khấu thương mại		112,570,959
+ Giảm giá hàng bán	393,809,191	169,836,853
+ Hàng bán bị trả lại	2,204,728,812	6,621,492,227
+ Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		
+ Thuế xuất khẩu	-	
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>4,732,111,588,229</b>	<b>3,300,928,567,146</b>
Trong đó: + Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	4,732,111,588,229	3,300,928,567,146
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Năm độ 2013**

Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

	Kỳ này (từ 01-10-2012 đến 31-12-2012)	Kỳ trước (từ 01-10-2011 đến 31-12-2011)
28- Giá vốn hàng bán	4,439,699,299,898	2,986,317,790,328
29- Doanh thu hoạt động tài chính	3,788,468,926	13,929,699,090
30- Chi phí tài chính		
* Lãi vay	48,686,214,888	95,758,797,563
* Chênh lệch tỷ giá	4,725,268,939	29,717,666,856
Cộng	53,411,483,827	125,476,464,419
31- Chi phí thuế TNDN	14,729,185,042	6,002,900,425
32- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
33- Chi phí hoạt động kinh doanh		
33.1 Chi phí bán hàng	91,932,099,363	79,547,227,203
33.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	49,676,665,929	46,954,478,272
33.3 Chi phí khác	63,227,967,759	2,326,576,462

**VI - Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

**a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong quý I niên độ 2013, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

**i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Kỳ này (Từ 01/10/12 - 31/12/12)
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1,934,150,553,524
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	298,526,501,789
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	619,039,080

**ii) Mua hàng hóa và dịch vụ**

	Kỳ này (Từ 01/10/12 - 31/12/12)
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1,762,173,063,057
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	205,239,375,718
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2,173,987,720

**iii) Mua tài sản cố định**

	Kỳ này (Từ 01/10/12 - 31/12/12)
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	171,669,133

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

		Kỳ này (Từ 01/10/12 - 31/12/12)	
<b>iv) Các giao dịch khác</b>			
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen</b>			
Bán khác			71,219,063,128
Mua khác			-
Trả lại hàng mua			-
Hàng bán bị trả lại			-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen</b>			
Bán khác			1,646,445,044
Mua khác			-
Trả lại hàng mua			12,616,150
Hàng bán bị trả lại			863,274,954
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen.</b>			
Bán khác			-
Mua khác			-
Trả lại hàng mua			-
Hàng bán bị trả lại			-
		Kỳ này (Từ 01/10/12 - 31/12/12)	
<b>v) Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt</b>			
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát			5,956,000,000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc			4,272,029,000
<b>b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan</b>			
<b>i) Phải thu khách hàng</b>		<b>31/12/2012</b>	<b>01/10/2012</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		327,165,190,419	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		246,366,048,388	289,635,970,616
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		-	-
<b>ii) Trả trước cho người bán</b>		<b>31/12/2012</b>	<b>01/10/2012</b>
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc)		90,183,227,000	90,183,227,000
Ứng trước tiền mua đất			
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		-	955,746



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**  
**BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý I Niên độ 2013**

*Từ ngày 01-10-2012 đến 31-12-2012*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

	31/12/2012	01/10/2012
<b>iii) Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	3,181,450	52,213,284,884
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	11,487,184,884
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	1,485,791,618
<b>iv) Phải trả người bán</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	10,655,332,192
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	781,598,257	1,746,493,870
<b>v) Phải trả khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	912,950	
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	39,880,000	
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	
<b>v) Vay dài hạn</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	6,500,000,000	6,500,000,000

**VIII- Những thông tin khác**

1- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước):

Các nguyên nhân

3- Những thông tin khác:

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 18 tháng 01 năm 2013

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*Trần Công Tiến*

*Nguyễn Chi Ngọc Lan*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TRẦN NGỌC CHI**